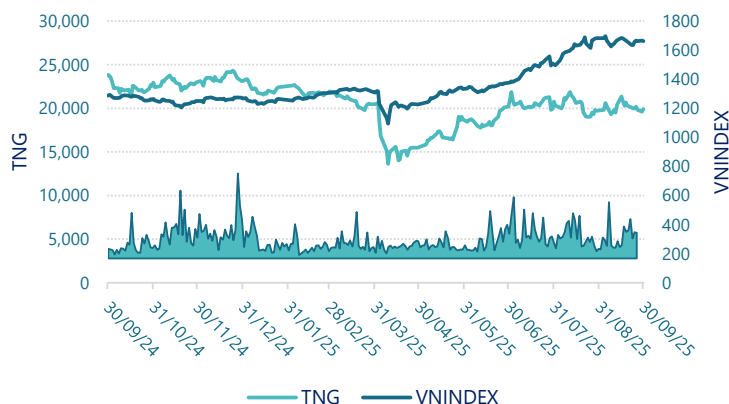


CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	19,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,324
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,631
SL cổ phiếu LH	122,601,206
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,083,610
% sở hữu nước ngoài	17.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,440
P/E	6.9
EPS	2,895

DT thuần

Q3/25

2,633

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 105 | 4.1%

YoY: ▲ 275 | 11.7%

LN sau thuế

Q3/25

117

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 3.00 | -2.5%

YoY: ▲ 6.00 | 5.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

8.3%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

9T 2025

6,671

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 787 | 13.4%

LN sau thuế

9T 2025

280

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 39.0 | 16.4%

ROE

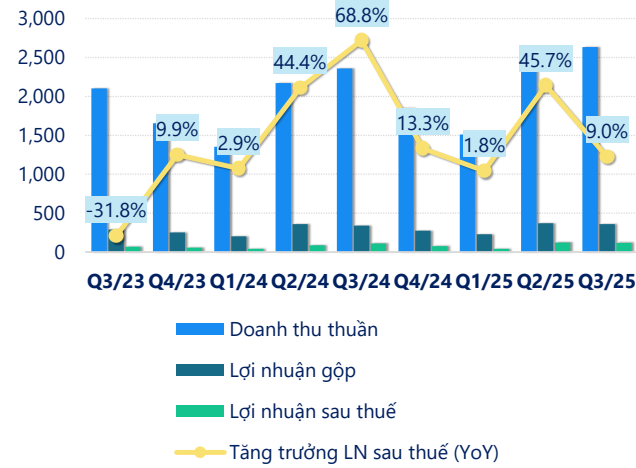
Q3/25

18.6%

+/- YoY: ▲ 2.3%

tỷ VNĐ

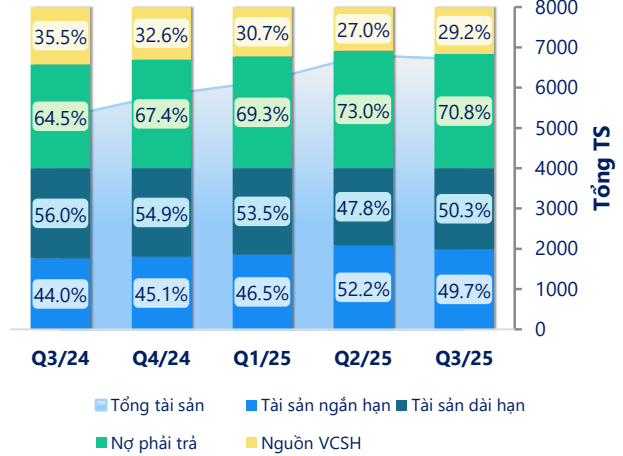
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

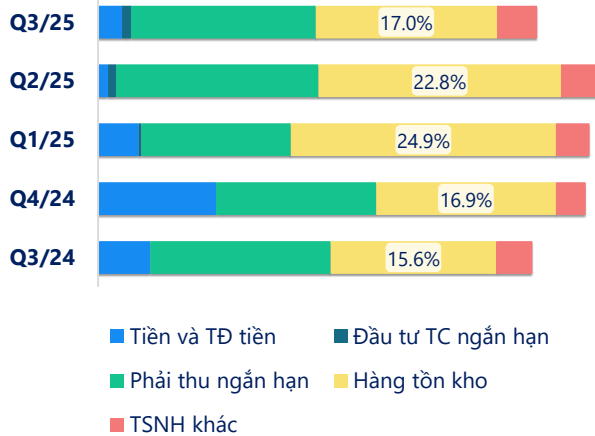
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



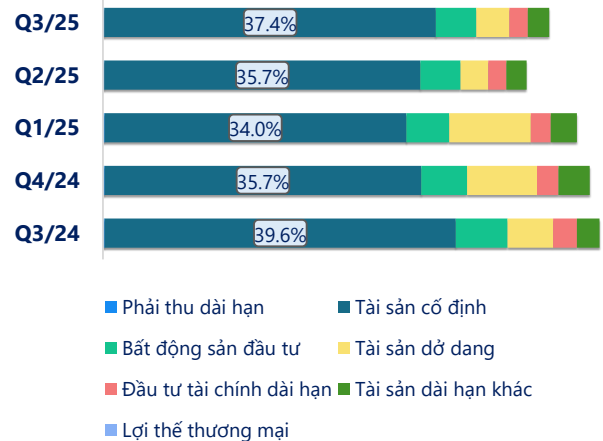
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

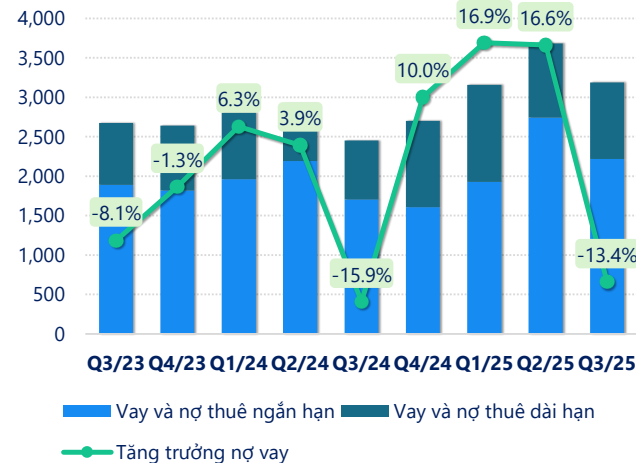
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

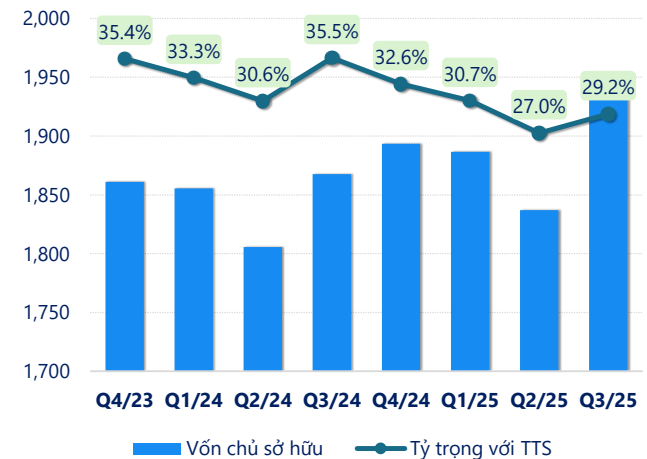
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

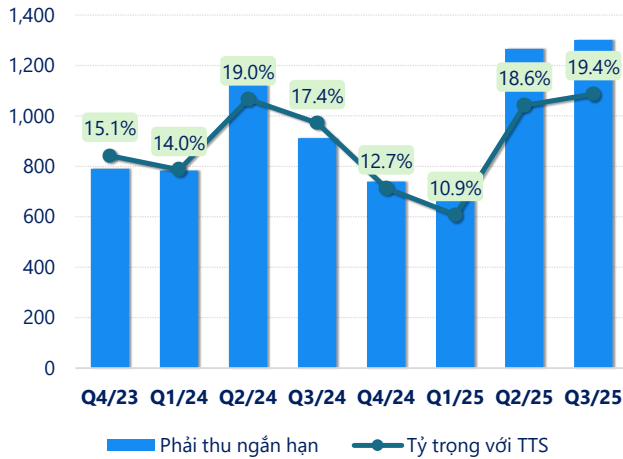
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



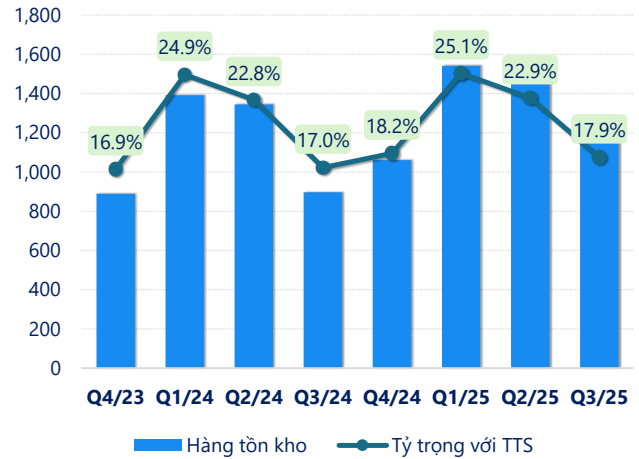
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


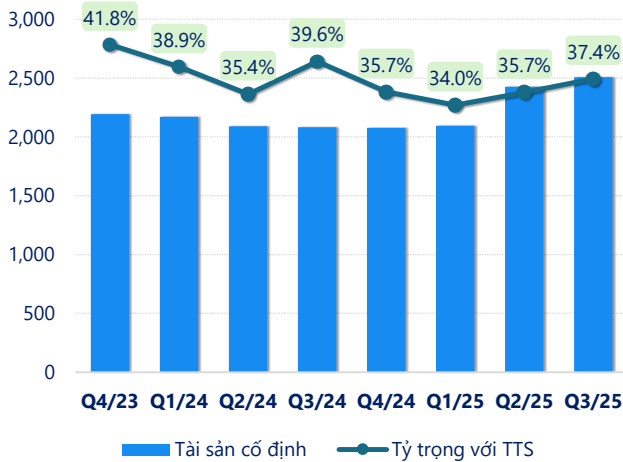
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


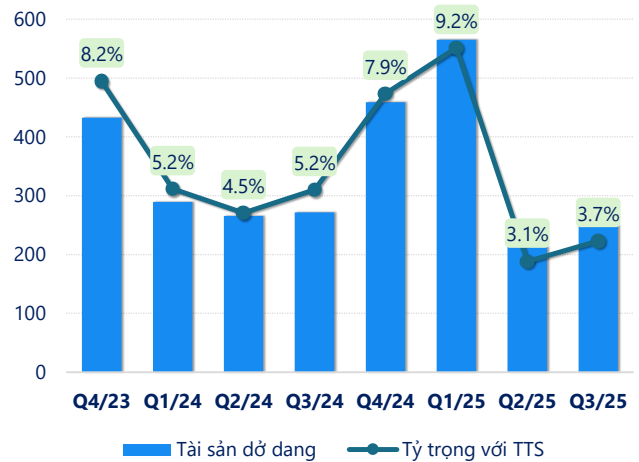
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

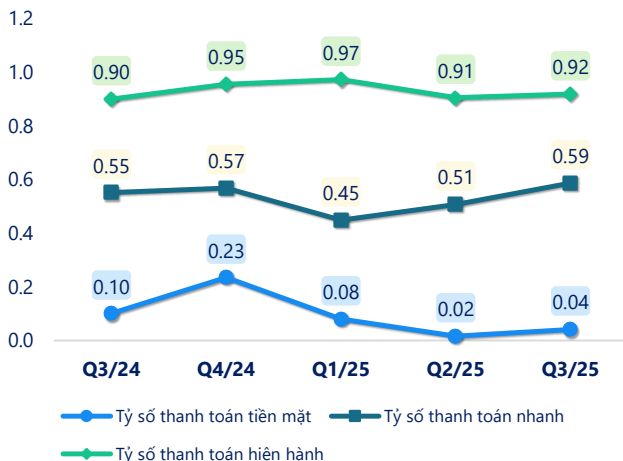
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

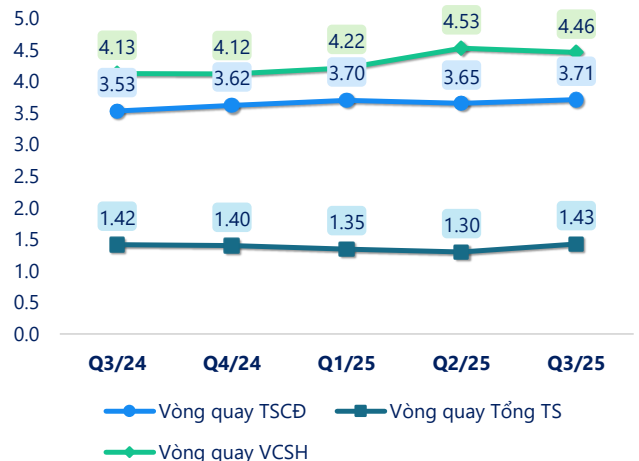
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	5,257	5,812	6,152	6,804	6,702
Tài sản ngắn hạn	2,311	2,620	2,862	3,551	3,328
Tiền và tương đương tiền	259	645	234	63.2	151
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.0	60.0	260	465	467
Phải thu ngắn hạn	912	740	668	1,266	1,301
Hàng tồn kho	896	1,060	1,542	1,561	1,201
Tài sản ngắn hạn khác	199	115	158	196	209
Tài sản dài hạn	2,945	3,192	3,290	3,253	3,374
Phải thu dài hạn	10.7	10.7	10.7	10.7	10.7
Tài sản cố định	2,083	2,078	2,095	2,426	2,508
Bất động sản đầu tư	306	300	299	308	306
Tài sản dở dang	272	459	565	213	250
Đầu tư tài chính dài hạn	140	140	140	140	140
Tài sản dài hạn khác	134	205	181	155	160
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	3,389	3,919	4,265	4,967	4,748
Nợ ngắn hạn	2,570	2,746	2,945	3,922	3,627
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,706	1,607	1,927	2,743	2,218
Phải trả người bán ngắn hạn	496	777	788	762	804
Nợ dài hạn	819	1,173	1,321	1,044	1,122
Vay và nợ thuê dài hạn	748	1,093	1,230	938	969
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,868	1,893	1,887	1,837	1,954
Vốn chủ sở hữu	1,868	1,893	1,887	1,837	1,954
Vốn điều lệ	1,226	1,226	1,226	1,226	1,226
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)